



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4104000006	ngày 30 tháng 6 năm 2000
Đăng ký Kinh doanh số	4104000006	ngày 13 tháng 9 năm 2005
	4104000006	ngày 30 tháng 5 năm 2006
	4104000006	ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	06/GPHDKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
	464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
	271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
	115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012
	18/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 8 năm 2014

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Thành viên	Ông Adrew Colin Vallis	Chủ tịch
	Ông Từ Tiến Phát	Thành viên (từ ngày 27 tháng 7 năm 2015)
	Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên	Thành viên (từ ngày 27 tháng 7 năm 2015)
	Ông Trần Trọng Kiên	Thành viên
	Ông Gopaldaswamy	Thành viên
	Ông Lê Bá Dũng	Thành viên (đến ngày 27 tháng 7 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trịnh Thanh Cần	Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 6 năm 2015)
	Ông Phạm Phú Khôi	Tổng Giám đốc (đến ngày 3 tháng 6 năm 2015)
	Bà Lê Thị Phương Dung	Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

41 Mạc Đĩnh Chi
Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Chợ lớn

747 Hồng Bàng
Phường 6, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Trương Định

107N Trương Định
Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Chu Trinh
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

15 Hoàng Diệu
Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng

Lầu 4, Tòa nhà 218 Bạch Đằng
Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Chi nhánh Khánh Hòa

80 Quang Trung
Phường Lộc Thọ
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Vũng Tàu

111 Hoàng Hoa Thám
Phường 2
Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Việt Nam

Chi nhánh Cần Thơ

17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Phường Tân An, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc



Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất”) được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 7 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-290/5



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		1.787.822.443.407	2.059.901.222.754
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	257.114.584.741	515.709.414.817
Tiền	111		120.114.584.741	515.709.414.817
Các khoản tương đương tiền	112		137.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	143.468.807.529	421.842.622.998
Đầu tư ngắn hạn	121		146.045.514.506	424.816.718.250
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.576.706.977)	(2.974.095.252)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.381.843.870.036	1.121.024.508.034
Phải thu của khách hàng	131		9.979.536	-
Trả trước cho người bán	132		550.754.440	7.212.929.400
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	8	1.793.101.204	1.769.118.988
Các khoản phải thu khác	138	9	1.380.724.139.712	1.112.217.159.086
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(1.234.104.856)	(1.223.429.440)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.395.181.101	1.324.676.905
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		975.182.323	974.532.823
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.684.129.741	338.395.082
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		2.493.854.037	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		242.015.000	11.749.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		288.452.010.186	209.151.716.050
Tài sản cố định	220		62.667.267.956	53.376.747.653
Tài sản cố định hữu hình	221	11	50.185.839.194	52.939.929.223
Nguyên giá	222		88.874.267.021	86.447.618.430
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.688.427.827)	(33.507.689.207)
Tài sản cố định vô hình	227	12	501.405.957	436.818.430
Nguyên giá	228		3.440.545.796	3.123.445.796
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.939.139.839)	(2.686.627.366)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	11.980.022.805	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7	189.526.622.500	135.909.083.124
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		235.366.012.860	-
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		183.366.012.860	-
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		52.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	150.094.515.860
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(45.839.390.360)	(14.185.432.736)
Tài sản dài hạn khác	260		36.258.119.730	19.865.885.273
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	15.754.450.630	1.172.428.070
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	15	20.000.000.000	18.144.000.003
Tài sản dài hạn khác	268	16	503.669.100	549.457.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.076.274.453.593	2.269.052.938.804

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		288.043.961.254	577.166.550.341
Nợ ngắn hạn	310		288.043.961.254	577.166.550.341
Nợ ngắn hạn	311	17	175.000.000.000	228.000.000.000
Phải trả người bán	312		90.998.950	291.543.700
Người mua trả tiền trước	313		-	135.454.545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	2.995.351.864	17.006.563.264
Phải trả người lao động	315		11.545.329.792	14.076.933.659
Chi phí phải trả	316	19	4.110.478.420	4.055.045.966
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	16.421.579.441	234.071.140.225
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	21	74.507.686.268	75.430.686.539
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		2.581.239.238	3.247.966.557
Doanh thu chưa thực hiện	328		791.297.281	851.215.886
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.788.230.492.339	1.691.886.388.463
Vốn chủ sở hữu	410		1.788.230.492.339	1.691.886.388.463
Vốn góp	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	417	22	90.253.607.780	85.318.244.624
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	111.503.506.995	106.568.143.839
Lợi nhuận chưa phân phối	420		86.473.377.564	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.076.274.453.593	2.269.052.938.804

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất			
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	363.492.865.521	567.500.940.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	18.773.020.740.000	16.207.441.660.000
Trong đó:			
6.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	14.172.773.360.000	12.518.442.820.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	20.121.230.000	40.109.880.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	13.790.844.310.000	12.207.385.290.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	361.807.820.000	270.947.650.000
6.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	912.305.020.000	59.750.850.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	723.760.390.000	56.625.850.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	188.544.630.000	3.125.000.000
6.3 <i>Chứng khoán cầm cố</i>	017	3.448.944.850.000	3.342.680.020.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	64.377.020.000	64.377.020.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	3.384.567.830.000	3.278.303.000.000
6.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	151.559.710.000	282.750.210.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	151.247.010.000	282.718.410.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	312.700.000	31.800.000
6.6 <i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	032	76.769.260.000	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	76.769.260.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)			
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	10.668.540.000	3.817.760.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	20.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	10.253.700.000	3.705.770.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	414.840.000	111.970.000
7. Chứng khoán lưu ký của các công ty đại chúng chưa niêm yết	050	187.612.330.000	159.009.110.000
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	187.610.330.000	159.007.110.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	4.400.000	6.080.270.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	186.626.750.000	152.005.800.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	979.180.000	921.040.000
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	2.000.000	2.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	2.000.000	2.000.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	3.185.437.490.000	3.375.178.430.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	156.403.820.000	43.597.030.000

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 - CTCK


	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu	01		282.149.305.986	370.544.461.556
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		101.549.000.005	147.251.644.743
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2	23	9.449.351.389	27.197.127.625
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	360.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.019.500.002	2.611.484.364
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		7.502.312.128	7.136.874.158
Doanh thu khác	01.9	24	160.629.142.462	185.987.330.666
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		160.245.238	120.128.158
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		281.989.060.748	370.424.333.398
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	25	116.979.275.725	16.323.649.194
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		165.009.785.023	354.100.684.204
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	42.450.703.024	34.952.023.347
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		122.559.081.999	319.148.660.857
Thu nhập khác	31	27	1.089.445.362	298.945.368
Chi phí khác	32		114.109.935	93.703.951
Lợi nhuận từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		975.335.427	205.241.417
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		123.534.417.426	319.353.902.274
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	27.190.313.550	70.219.229.706
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		96.344.103.876	249.134.672.568

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:


 Ông Nguyễn Phương Quang
 Kế toán viên

Người soát xét:


 Ông Võ Văn Vân
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ông Trịnh Thanh Cần
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 - CTCK**

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	123.534.417.426	319.353.902.274
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.884.142.262	4.875.559.842
Các khoản dự phòng	03	31.267.244.765	(232.641.131.898)
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05	(168.463.519.268)	(209.549.167.490)
Chi phí lãi vay	06	4.661.874.997	27.936.472.223
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(3.115.839.818)	(90.024.365.049)
Biến động chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn khác, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	11.369.933.067	522.485.863.876
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	14.383.919.235	(27.251.483.790)
Biến động các khoản chi phí trả trước	12	(14.582.672.060)	472.374.604
		8.055.340.424	405.682.389.641
Tiền lãi đã trả	13	(5.151.819.443)	(29.615.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(43.268.880.786)	(21.804.158.108)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	45.788.100	527.670.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(819.680.921)	(766.265.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.139.252.626)	354.024.635.855
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(10.503.152.006)	(7.811.862.086)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	250.000.000	78.000.000
Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(52.000.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(59.455.609.500)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	31.589.250.000	200.191.250.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	159.601.930.696	256.113.756.885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	69.482.419.190	448.571.144.799

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 - CTCK

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33	75.000.000.000	178.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	100.000.000.000	150.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc trái phiếu	34	(228.000.000.000)	(600.000.000.000)
Lợi nhuận đã chuyển về Ngân hàng mẹ	36	(233.937.996.640)	(186.585.569.711)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(286.937.996.640)	(458.585.569.711)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(258.594.830.076)	344.010.210.943
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	515.709.414.817	171.699.203.874
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 5)	70	257.114.584.741	515.709.414.817

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU

	2015 VND	2014 VND
Mua lại các khoản đầu tư bằng cách cân trừ công nợ phải thu	-	66.323.329.885
Thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư	-	23.780

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 05 - CTCK

	Vốn góp VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	1.500.000.000.000	72.725.448.008	93.975.347.223	12.829.960.118	1.679.530.755.349
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	249.134.672.568	249.134.672.568
Trích lập quỹ trong năm	-	12.592.796.616	12.592.796.616	(25.185.593.232)	-
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(236.779.039.454)	(236.779.039.454)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.500.000.000.000	85.318.244.624	106.568.143.839	-	1.691.886.388.463
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	96.344.103.876	96.344.103.876
Trích lập quỹ trong năm	-	4.935.363.156	4.935.363.156	(9.870.726.312)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.500.000.000.000	90.253.607.780	111.503.506.995	86.473.377.564	1.788.230.492.339

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 - CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“Ngân hàng mẹ”), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động tự doanh chứng khoán, môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có một công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 250 nhân viên (31/12/2014: 255 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho hướng dẫn trước đó về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Việc áp dụng thông tư 200 và thông tư 202 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại các ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc Công ty con mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc Công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn dự định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại vào nhóm tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Tập đoàn.

(e) Chứng khoán đầu tư

(i) Chứng khoán thương mại

Phân loại

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán thương mại vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Giá gốc chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(ii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phân loại

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(iii) Chứng khoán sẵn sàng để bán

Phân loại

Chứng khoán sẵn sàng để bán là những chứng khoán vốn và chứng khoán nợ được mua và nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán sẵn sàng để bán vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán sẵn sàng để bán đã niêm yết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo giá gốc.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó, trường hợp chứng khoán đó được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày bán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của các công ty mà Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư này phải có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá trên báo cáo tài chính hợp nhất (xem Thuyết minh 4(g)).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(g) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được phân ánh theo giá gốc trừ đi số dự phòng giảm giá được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, dự phòng giảm giá được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ trong kế hoạch, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại ngày lập báo cáo. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư dài hạn tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư dài hạn này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tồn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư 228 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định thêm dự phòng (nếu cần thiết) ngoài khoản dự phòng đã được trích lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tồn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này và các tài sản đảm bảo có liên quan.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ máy móc thiết bị	3 - 5 năm
▪ phương tiện vận tải	6 năm
▪ thiết bị quản lý	3 năm
▪ tài sản cố định khác	3 - 6 năm

(iii) Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thuần nhận được do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập khác hoặc chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí phần mềm kinh doanh chứng khoán chưa được hoàn thành hay chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn

Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 35 năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn góp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Việc sử dụng quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được thực hiện theo Điều 15 của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành (“Thông tư 146”).

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện.



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(iv) Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được thiết lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập. Tập đoàn chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

(r) Hợp đồng hợp tác đầu tư

Tập đoàn chuyển tiền cho đơn vị hợp tác đầu tư và đơn vị hợp tác đầu tư dùng số tiền này để thay mặt cho Tập đoàn đầu tư vào chứng khoán niêm yết theo các điều kiện của hợp đồng hợp tác đầu tư. Các tài sản và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng này được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chính sách kế toán về cách ghi nhận và phân loại áp dụng cho các tài sản và nghĩa vụ tương ứng của Tập đoàn.

Các khoản lãi/lỗ do việc bán các chứng khoán niêm yết từ các hợp đồng hợp tác đầu tư này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Dự phòng giảm giá chứng khoán từ hợp đồng hợp tác đầu tư này được xác định theo phương pháp dùng để xác định dự phòng giảm giá đầu tư như đã đề cập ở các Thuyết minh 4(e) và 4(g).

(s) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các công ty, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là một bên liên quan.

Các công ty liên quan của Tập đoàn là Ngân hàng mẹ, các công ty con và các công ty liên kết của Ngân hàng mẹ này.

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	679.017	16.703.453
Tiền gửi ngân hàng	120.113.905.724	515.692.711.364
Các khoản tương đương tiền	137.000.000.000	-
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>67.960.615.791</i>	<i>73.747.306.539</i>
	<hr/>	<hr/>
	257.114.584.741	515.709.414.817

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn không có các khoản tương đương tiền khác VND.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm		Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	
	2015	2014	2015 VND	2014 VND
a) Cửa Tập đoàn				
Cổ phiếu	7.605.460	25.625.887	91.770.154.368	458.328.453.415
Trái phiếu	520	200.000	52.000.000.000	200.000.000.000
Chứng chỉ quỹ	2.000.000	2.000.000	23.376.000.000	20.040.000.000
b) Cửa nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	3.641.512.409	5.017.872.606	54.086.237.423.380	77.057.114.911.610
Trái phiếu	90.495.846	143.715.221	9.507.674.284.942	15.460.547.228.274
Chứng chỉ quỹ	100.170	651.200	976.251.000	6.366.512.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	3.741.714.405	5.190.064.914	63.762.034.113.690	93.202.397.105.299

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

7. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết chứng khoán thương mại được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Số lượng	Giá trị theo số kế toán VND	So với giá thị trường Tăng VND	(Giảm) VND	Giá trị theo giá thị trường VND
I. Chứng khoán thương mại	7.281.591	146.045.514.506	63.495.758	(2.576.706.977)	
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>11.262</i>	<i>171.250.046</i>	<i>62.440.458</i>	<i>(46.348.304)</i>	<i>187.342.200</i>
SSI	633	13.708.800	343.800	-	14.052.600
Khác	10.629	157.541.246	62.096.658	(46.348.304)	173.289.600
<i>Chứng chỉ quỹ niêm yết</i>	<i>2.000.000</i>	<i>20.040.000.000</i>	<i>-</i>	<i>(840.000.000)</i>	<i>19.200.000.000</i>
E1VFVN30	2.000.000	20.040.000.000	-	(840.000.000)	19.200.000.000
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>5.270.329</i>	<i>82.822.398.904</i>	<i>1.055.300</i>	<i>(1.690.358.673)</i>	
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	910.499	10.470.738.500	-	-	10.470.738.500
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	44.000	2.400.000.000	-	(1.678.400.000)	721.600.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	4.314.465	69.932.182.531	-	-	chưa xác định được
Khác	1.365	19.477.873	1.055.300	(11.958.673)	8.574.500
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (a)</i>	<i>không áp dụng</i>	<i>43.011.865.556</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>43.011.865.556</i>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Số lượng cổ phiếu/ trái phiếu	Giá trị theo số kế toán VND	So với giá thị trường		Giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng VND	(Giảm) VND	
I. Chứng khoán thương mại	6.370.064	424.816.718.250	54.919.892	(2.974.095.252)	
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>10.361</i>	<i>157.054.150</i>	<i>54.106.992</i>	<i>(43.924.542)</i>	<i>167.236.600</i>
VCB	6	165.852	25.548	-	191.400
Khác	10.355	156.888.298	54.081.444	(43.924.542)	167.045.200
<i>Chứng chỉ quỹ niêm yết</i>	<i>2.000.000</i>	<i>20.040.000.000</i>	-	<i>(1.240.000.000)</i>	<i>18.800.000.000</i>
E1VFN30	2.000.000	20.040.000.000	-	(1.240.000.000)	18.800.000.000
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>4.359.703</i>	<i>72.351.061.322</i>	<i>812.900</i>	<i>(1.690.170.710)</i>	
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	44.000	2.400.000.000	-	(1.678.400.000)	721.600.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	4.314.465	69.932.182.531	-	-	chưa xác định được
Khác	1.238	18.878.791	812.900	(11.770.710)	7.920.981
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (a)</i>	<i>không áp dụng</i>	<i>332.268.602.778</i>	-	-	<i>332.268.602.778</i>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

Chi tiết chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn, chứng khoán sẵn sàng để bán, đầu tư góp vốn và đầu tư tài chính khác được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Dự phòng giảm giá	
	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Cuối năm VND	Đầu năm VND
II. Chứng khoán đầu tư	13.845.130	-	235.366.012.860	-	(45.839.390.360)	-
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	13.844.610	-	183.366.012.860	-	(45.839.390.360)	-
<i>Cổ phiếu niêm yết (a)</i>	<i>8.674.557</i>	-	<i>123.910.403.360</i>	-	<i>(45.839.390.360)</i>	-
BTS (b)	8.674.557	-	123.910.403.360	-	(45.839.390.360)	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>5.170.053</i>	-	<i>59.455.609.500</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	5.170.053	-	59.455.609.500	-	-	-
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	520	-	52.000.000.000	-	-	-
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	<i>520</i>	-	<i>52.000.000.000</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Khai Toàn	520	-	52.000.000.000	-	-	-
III. Đầu tư tài chính khác	-	11.282.057	-	150.094.515.860	-	(14.185.432.736)
<i>Cổ phiếu niêm yết (a)</i>	-	<i>10.674.557</i>	-	<i>144.010.403.360</i>	-	<i>(14.185.432.736)</i>
BTS	-	8.674.557	-	123.910.403.360	-	(14.185.432.736)
ASIAGF	-	2.000.000	-	20.100.000.000	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	-	<i>607.500</i>	-	<i>6.084.112.500</i>	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	-	607.500	-	6.084.112.500	-	-

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK**

- (a) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết thuộc chứng khoán đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 20.132 triệu VND (31/12/2014: 22.354 triệu VND cổ phiếu niêm yết thuộc đầu tư dài hạn khác) cổ phiếu được Tập đoàn mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu (“ACI”), Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Bình Chánh (“Bình Chánh”). Tập đoàn hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của hai công ty được đề cập ở trên.
- (b) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 6.437.702 cổ phiếu với giá trị ghi sổ là 57.939.318.000 VND (31/12/2014: 91.028.290.911 VND) đang được thế chấp với một ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	2.974.095.252	227.478.676.464
Trích lập dự phòng trong năm	905.166.071	1.257.701.073
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.302.554.346)	(225.762.282.285)
Số dư cuối năm	<u>2.576.706.977</u>	<u>2.974.095.252</u>

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	14.185.432.736	15.927.129.892
Trích lập dự phòng trong năm	45.839.390.360	1.614.632.723
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(14.185.432.736)	(3.356.329.879)
Số dư cuối năm	<u>45.839.390.360</u>	<u>14.185.432.736</u>

8. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phí giao dịch chứng khoán phải thu khách hàng	<u>1.793.101.204</u>	<u>1.769.118.988</u>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK****9. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (i)	1.316.466.927.981	1.099.479.449.117
Phải thu đặt cọc đầu giá	44.400.400.000	-
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii)	5.298.388.465	-
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư	23.780	23.780
Phải thu cổ tức	151.000	202.200
Lãi dự thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	12.145.391.537	9.958.926.359
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	437.767.883	641.473.825
Phải thu lãi trái phiếu	227.500.000	-
Các khoản phải thu khác	1.747.589.066	2.137.083.805
	1.380.724.139.712	1.112.217.159.086

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ. Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,026% đến 0,041% trong năm (2014: 0,034% đến 0,04%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì cho các giao dịch ký quỹ lần lượt là 50% và 30%.
- (ii) Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất ngày 0,036% và có thời hạn gốc 2 ngày trong năm.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	1.223.429.440	7.618.282.970
Trích lập dự phòng trong năm	89.413.416	2.359.956.590
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(78.738.000)	(8.754.810.120)
Số dư cuối năm	1.234.104.856	1.223.429.440

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

11. Tài sản cố định hữu hình

2015	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	7.014.320.204	3.009.178.509	11.552.731.119	2.425.654.203	86.447.618.430
Tăng trong năm	-	38.000.000	-	2.879.615.800	-	2.917.615.800
Thanh lý	-	-	(448.617.209)	(42.350.000)	-	(490.967.209)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	7.052.320.204	2.560.561.300	14.389.996.919	2.425.654.203	88.874.267.021
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	16.262.693.201	6.980.871.074	3.009.178.509	5.608.048.605	1.646.897.818	33.507.689.207
Khấu hao trong năm	2.498.254.890	39.782.466	-	2.799.811.206	293.781.227	5.631.629.789
Thanh lý	-	-	(448.617.209)	(2.273.960)	-	(450.891.169)
Số dư cuối năm	18.760.948.091	7.020.653.540	2.560.561.300	8.405.585.851	1.940.679.045	38.688.427.827
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	46.183.041.194	33.449.130	-	5.944.682.514	778.756.385	52.939.929.223
Số dư cuối năm	43.684.786.304	31.666.664	-	5.984.411.068	484.975.158	50.185.839.194

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

11. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2014	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	7.801.304.660	3.572.228.509	4.615.213.021	2.878.416.203	81.312.896.788
Tăng trong năm	-	-	-	6.995.066.086	192.236.000	7.187.302.086
Thanh lý	-	(786.984.456)	(563.050.000)	(57.547.988)	(644.998.000)	(2.052.580.444)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	7.014.320.204	3.009.178.509	11.552.731.119	2.425.654.203	86.447.618.430
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13.764.012.797	7.700.632.010	3.486.671.066	3.907.775.328	2.012.433.113	30.871.524.314
Khấu hao trong năm	2.498.680.404	67.223.520	85.557.443	1.752.119.211	279.462.705	4.683.043.283
Thanh lý	-	(786.984.456)	(563.050.000)	(51.845.934)	(644.998.000)	(2.046.878.390)
Số dư cuối năm	16.262.693.201	6.980.871.074	3.009.178.509	5.608.048.605	1.646.897.818	33.507.689.207
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	48.681.721.598	100.672.650	85.557.443	707.437.693	865.983.090	50.441.372.474
Số dư cuối năm	46.183.041.194	33.449.130	-	5.944.682.514	778.756.385	52.939.929.223

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 15.057.742.940 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 13.821.068.185 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 43.684.786.304 VND (31/12/2014: 46.183.041.194 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2015 VND	2014 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.123.445.796	2.537.629.746
Tăng trong năm	317.100.000	624.560.000
Xóa sổ	-	(38.743.950)
Số dư cuối năm	3.440.545.796	3.123.445.796
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.686.627.366	2.532.854.757
Khấu hao trong năm	252.512.473	192.516.559
Xóa sổ	-	(38.743.950)
Số dư cuối năm	2.939.139.839	2.686.627.366
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	436.818.430	4.774.989
Số dư cuối năm	501.405.957	436.818.430

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 2.498.885.796 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 2.498.885.796 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09- CTCK

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	11.980.022.805	-
Số dư cuối năm	11.980.022.805	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chính như sau:		
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phần mềm kinh doanh chứng khoán	11.980.022.805	-

14. Chi phí trả trước dài hạn

2015	Công cụ và dụng cụ	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	294.252.054	742.948.737	135.227.279	1.172.428.070
Tăng trong năm	225.169.260	-	15.510.094.900	15.735.264.160
Phân bổ trong năm	(249.433.568)	(26.533.948)	(877.274.084)	(1.153.241.600)
Số dư cuối năm	269.987.746	716.414.789	14.768.048.095	15.754.450.630
2014	Công cụ và dụng cụ	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	769.726.584	769.482.685	533.572.003	2.072.781.272
Tăng trong năm	309.149.331	-	162.868.644	472.017.975
Phân bổ trong năm	(784.623.861)	(26.533.948)	(561.213.368)	(1.372.371.177)
Số dư cuối năm	294.252.054	742.948.737	135.227.279	1.172.428.070

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09- CTCK

15. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	18.144.000.003

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua Thành viên lưu ký của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của Công ty vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	18.144.000.003	15.644.000.003
Tiền nộp bổ sung trong năm	819.680.921	766.265.678
Tiền lãi trong năm	1.036.319.076	1.733.734.322
Số dư cuối năm	20.000.000.000	18.144.000.003

16. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	503.669.100	549.457.200

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

17. Nợ ngắn hạn

	Lãi suất năm %	Ngày đáo hạn	Số dư tại ngày 1/1/2015 VND	Số tăng trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Số dư tại ngày 31/12/2015 VND
Trái phiếu ngắn hạn phát hành cho:						
▪ Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	8,50%	21/12/2016	-	75.000.000.000	-	75.000.000.000
▪ Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Minh Phương	8,50%	29/12/2015	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)	-
▪ Triệu Thị Tâm	8,50%	29/12/2015	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
▪ Nguyễn Thị Thu Hương	9,00%	29/12/2015	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
▪ Huỳnh Văn Sơn	9,00%	29/12/2015	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
▪ Dịp Vân Minh	9,00%	29/12/2015	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
▪ Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	9,00%	29/12/2015	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
▪ Nguyễn Thái Thảo Ly	8,50%	29/12/2015	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)	-
▪ Trần Thị Tuyết Vân	9,00%	29/12/2015	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn từ:						
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	9,00%	18/05/2015	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (*)	8,50%	27/2/2016	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
			228.000.000.000	175.000.000.000	(228.000.000.000)	175.000.000.000

(*) Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng 6.437.702 cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị ghi sổ là 57.939.318.000 VND (31/12/2014: 4.314.465 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á với giá trị ghi sổ là 69.932.182.531 VND và 6.437.702 cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị ghi sổ là 91.028.290.911 VND) và tài sản cố định hữu hình là tòa nhà 107N Trương Định có giá trị còn lại là 43.684.786.304 VND (31/12/2014: 46.183.041.194 VND) (Thuyết minh số 7 và 11).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	546.832.802	491.883.997
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.704.047.465	2.551.346.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.584.713.199
Các loại thuế khác	744.471.597	378.619.488
	2.995.351.864	17.006.563.264

19. Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi trái phiếu phải trả	177.083.333	37.305.556
Lãi vay ngân hàng phải trả	802.777.777	1.432.500.000
Phí giao dịch phải trả Trung tâm Lưu ký, Sở Giao dịch Chứng khoán	2.274.565.719	2.567.240.410
Chi phí khác	856.051.591	18.000.000
	4.110.478.420	4.055.045.966

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ	-	233.937.996.640
Phải trả khác cho Ngân hàng mẹ	13.893.099.074	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.528.480.367	133.143.585
	16.421.579.441	234.071.140.225

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	74.507.686.268	75.430.686.539

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư chủ yếu phản ánh khoản tiền gửi của nhà đầu tư phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09- CTCK****22. Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty và công ty con phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận hàng năm:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

23. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn	99.930.223	3.692.000
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán đầu tư tài chính dài hạn	5.405.137.500	-
Thu nhập cổ tức	16.117.000	263.567.329
Thu nhập trái tức	3.928.166.666	26.929.868.296
	9.449.351.389	27.197.127.625

24. Doanh thu khác

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu từ hợp đồng giao dịch kỳ quỹ	139.967.292.175	159.280.026.405
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	16.058.446.452	18.945.838.075
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.878.435.515	4.116.319.439
Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng	-	642.000.000
Doanh thu khác	1.724.968.320	3.003.146.747
	160.629.142.462	185.987.330.666

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09- CTCK

25. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	16.932.527.156	24.382.284.651
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	353.206.108	126.573.938.189
Chi phí lưu ký chứng khoán	9.508.280.844	10.569.367.394
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	31.256.569.349	(226.246.278.368)
Chi phí lãi trái phiếu	2.849.374.998	26.503.972.223
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.812.499.999	1.432.500.000
Chi phí nhân viên trực tiếp	33.322.620.030	33.500.005.650
Khấu hao tài sản cố định	3.830.310.124	2.489.791.277
Chi phí hoa hồng	3.824.971.459	2.764.737.355
Chi phí thuê văn phòng	3.307.729.854	4.443.699.786
Chi phí khác	9.981.185.804	9.909.631.037
	116.979.275.725	16.323.649.194

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Khấu hao tài sản cố định	2.053.832.138	2.385.768.565
Chi phí nhân viên	25.142.956.721	23.939.321.764
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.675.416	(6.394.853.530)
Chi phí công cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	689.291.396	990.800.750
Thuê, phí, lệ phí	47.412.000	54.911.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.075.410.572	2.855.112.619
Thuế GTGT không được khấu trừ	1.835.074.495	1.308.802.538
Chi phí thuê văn phòng	1.275.950.782	953.700.467
Chi phí khác	9.320.099.504	8.858.459.174
	42.450.703.024	34.952.023.347

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09- CTCK

27. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	250.000.000	78.000.000
Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng	642.000.000	-
Thu nhập khác	197.445.362	220.945.368
	<hr/>	<hr/>
	1.089.445.362	298.945.368

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.190.313.550	70.219.229.706
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
	<hr/>	<hr/>
	27.190.313.550	70.219.229.706

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	123.534.417.426	319.353.902.274
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	27.697.466.867	70.856.535.642
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(523.440.774)	(656.661.954)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	16.287.457	19.356.018
	<hr/>	<hr/>
	27.190.313.550	70.219.229.706

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty và công ty con là 22% cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ được giảm xuống 20% từ năm 2016. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09- CTCK

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bảng sau đây thể hiện các giao dịch chủ yếu trong năm và các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ		
Doanh thu hoạt động môi giới	900.900	706.430.966
Phí thu từ Ngân hàng mẹ	4.721.074	2.170.552
Lãi tiền gửi ngân hàng	17.780.216.486	21.199.324.607
Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng	642.000.000	642.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	107.397.763
Phí khác trả cho Ngân hàng mẹ	150.903.323	125.929.440
Lợi nhuận đã chuyển về Ngân hàng mẹ	233.937.996.640	186.585.569.711
Chi phí điện nước phải trả	483.280.148	200.892.773
Công ty Cổ phần Địa ốc ACB – Công ty liên quan		
Mua lại các khoản đầu tư	-	66.323.329.885
Chi phí lãi vay	-	18.427.500.000
Mua lại trái phiếu phát hành	-	300.000.000.000
Doanh thu từ quản lý tài sản	-	250.687.448
Chi phí khác	-	968.186.719
Các thành viên quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.612.143.000	4.884.998.000
<hr/>		
	Số dư tại ngày	
	31/12/2015	31/12/2014
	Phải thu/(Phải trả)	
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi không kỳ hạn	114.770.788.426	363.227.041.952
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	180.011.865.556	332.268.602.778
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	437.767.883	641.473.825
Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ	-	(233.937.996.640)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

30. Biến động các khoản phải thu

Khoản mục	Số dư đầu năm		Số khó đòi VND	Số phát sinh trong năm		Tổng số VND	Số dư cuối năm		Số dự phòng cuối năm VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND		Tăng VND	Giảm VND		Tổng số VND	Số quá hạn VND	
1. Phải thu khách hàng	-	-	-	32.875.107	(22.895.571)	9.979.536	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	7.212.929.400	-	-	7.404.815.916	(14.066.990.876)	550.754.440	-	-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.048.730.000	-	-	707.069.000	(1.755.799.000)	-	-	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.769.118.988	2.354.080	2.354.080	13.326.659.108.513	(13.326.635.126.297)	1.793.101.204	2.354.080	2.354.080	1.865.956
5. Các khoản phải thu khác	1.112.217.159.086	4.600.219.813	1.232.238.900	11.390.195.621.913	(11.121.688.641.287)	1.380.724.139.712	2.705.313.584	1.232.238.900	1.232.238.900
	1.122.247.937.474	4.602.573.893	1.234.592.980	24.724.999.490.449	(24.464.169.453.031)	1.383.077.974.892	2.707.667.664	1.234.592.980	1.234.104.856

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Tập đoàn ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK**

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Tập đoàn.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Tập đoàn ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán và tiền gửi của khách hàng tại Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	257.113.905.724	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (i)	43.011.865.556	332.268.602.778
Phải thu của khách hàng	9.979.536	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (ii)	1.793.101.204	1.769.118.988
Các khoản phải thu khác (ii)	1.380.724.139.712	1.112.217.159.086
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn (iii)	52.000.000.000	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	18.144.000.003
Tài sản tài chính khác	745.684.100	561.206.200
	<hr/>	<hr/>
	1.755.398.675.832	1.981.701.528.419

(i) *Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng*

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng mẹ. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(ii) Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(iii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tập đoàn giới hạn ảnh hưởng của rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro tín dụng thấp theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc. Với mức độ rủi ro tín dụng nói trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng sẽ không có đối tác nào mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK**

Bảng phân tích tài sản tài chính có đảm bảo và không đảm bảo chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	257.113.905.724	257.113.905.724
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	43.011.865.556	43.011.865.556
Phải thu của khách hàng	-	9.979.536	9.979.536
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	1.790.747.124	1.790.747.124
Các khoản phải thu khác	1.326.985.236.505	51.033.589.623	1.378.018.826.128
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.000.000.000	-	52.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	745.684.100	745.684.100
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.378.985.236.505	373.705.771.663	1.752.691.008.168
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	515.692.711.364	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	332.268.602.778	332.268.602.778
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	1.048.730.000	1.048.730.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	1.766.764.908	1.766.764.908
Các khoản phải thu khác	1.106.070.585.963	1.546.353.310	1.107.616.939.273
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	18.144.000.003	18.144.000.003
Tài sản tài chính khác	-	561.206.200	561.206.200
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.106.070.585.963	871.028.368.563	1.977.098.954.526
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK**

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa tổn thất như sau:

	Các khoản phải thu khác	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Quá hạn dưới 6 tháng	1.473.074.684	3.367.980.913

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Phải thu hoạt	Các khoản
	động giao dịch	phải thu khác
	chứng khoán	VND
	VND	VND
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.627.080	-
Quá hạn từ 3 năm trở lên	727.000	1.232.238.900
	2.354.080	1.232.238.900

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Phải thu hoạt	Các khoản
	động giao dịch	phải thu khác
	chứng khoán	VND
	VND	VND
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.627.080	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	727.000	1.197.238.900
Quá hạn từ 3 năm trở lên	-	35.000.000
	2.354.080	1.232.238.900

Bảng bên dưới trình bày giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính đã quá hạn và bị tổn thất:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết trên		
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i>	11.270.014.525	13.548.818.533
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội</i>	5.535.797.340	-
	16.805.811.865	13.548.818.533

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm được trình bày trong Thuyết minh số 10.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK****(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Tập đoàn luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách phát hành trái phiếu và đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Nợ ngắn hạn	175.000.000.000	182.673.611.111	182.673.611.111
Phải trả người bán	90.998.950	90.998.950	90.998.950
Chi phí phải trả	4.110.478.420	4.110.478.420	4.110.478.420
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.421.579.441	16.421.579.441	16.421.579.441
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	74.507.686.268	74.507.686.268	74.507.686.268
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.581.239.238	2.581.239.238	2.581.239.238
	272.711.982.317	280.385.593.428	280.385.593.428

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Nợ ngắn hạn	228.000.000.000	239.945.958.333	239.945.958.333
Phải trả người bán	291.543.700	291.543.700	291.543.700
Chi phí phải trả	4.055.045.966	4.055.045.966	4.055.045.966
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	234.071.140.225	234.071.140.225	234.071.140.225
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	75.430.686.539	75.430.686.539	75.430.686.539
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.247.966.557	3.247.966.557	3.247.966.557
	545.096.382.987	557.042.341.320	557.042.341.320

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn là không đáng kể do Tập đoàn không có các trạng thái tiền tệ trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày lập báo cáo, bảng tóm tắt lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền và các khoản tương đương tiền	257.113.905.724	515.692.711.364
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	43.011.865.556	332.268.602.778
Phải thu khác	1.321.765.316.446	1.099.479.449.117
Nợ ngắn hạn	(175.000.000.000)	(228.000.000.000)
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.000.000.000	-

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế trong năm của Tập đoàn 405.600.000 VND (2014: không). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - CTCK

(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán vốn*

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tập đoàn quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ niêm yết thuộc chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán của Tập đoàn là 97.458.337.654 VND (31/12/2014: 18.967.236.600 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 13% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 17%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Tập đoàn sẽ giảm 9.643.340.961 VND hoặc tăng 8.394.550.981 VND tương ứng (2014: giảm 1.086.853.486 VND hoặc tăng 2.820.338.740 VND tương ứng).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - CTCK****(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
▪ Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết	19.324.901.742	19.387.342.200	18.913.129.608	18.967.236.600
▪ Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại chưa niêm yết				
- Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	721.600.000	721.600.000	721.600.000	721.600.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á	69.932.182.531	(*)	69.932.182.531	(*)
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	10.470.738.500	(*)	-	-
- Khác	7.519.200	8.574.500	7.108.081	7.920.981
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
▪ Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.000.000.000	(*)	-	-
Các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	257.113.905.724	257.113.905.724	515.692.711.364	515.692.711.364
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	43.011.865.556	(*)	332.268.602.778	(*)
▪ Phải thu của khách hàng	9.979.536	(*)	-	-
▪ Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	1.048.730.000	(*)
▪ Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.791.235.248	(*)	1.767.578.448	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	1.379.491.900.812	(*)	1.110.995.270.186	(*)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	(*)	18.144.000.003	(*)
▪ Tài sản tài chính khác	745.684.100	(*)	561.206.200	(*)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
▪ Chứng khoán niêm yết	78.071.013.000	78.071.013.000	129.824.970.624	87.526.633.200
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	59.455.609.500	(*)	6.084.112.500	(*)
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Nợ ngắn hạn	(175.000.000.000)	(*)	(228.000.000.000)	(*)
▪ Phải trả người bán	(90.998.950)	(*)	(291.543.700)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(4.110.478.420)	(*)	(4.055.045.966)	(*)
▪ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(16.421.579.441)	(*)	(234.071.140.225)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(74.507.686.268)	(*)	(75.430.686.539)	(*)
▪ Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	(2.581.239.238)	(*)	(3.247.966.557)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết

Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - CTCK

32. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	4.380.008.900	4.948.992.900
Từ hai đến năm năm	16.748.607.600	16.295.091.600
Trên năm năm	13.554.243.000	17.620.515.900
	34.682.859.500	38.864.600.400

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trịnh Thanh Cần
Tổng Giám đốc

